TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 03 -2023
V/v: " Tranh chấp ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Linh Thu Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 847/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị L, sinh năm 1986.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ : Tổ 4, ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Điệp Nông, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có Tg nói chung. Mặc dù sống chung nhà nhưng từ năm 2012 đến nay kinh tế của ai thì người đó tự lo, không còn bàn

bạc chia sẻ, quan tâm nhau trong cuộc sống, chị và anh S đã tự sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, không thể bàn bạc đoàn tụ được nên chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Về con chung: Có 02 con chung .

1, Nguyễn Quang T, sinh ngày 06/10/2006

2, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/4/2018

Sau ly hôn, chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng

Về tài sản chung : Chị và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 15 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian chung sống và đăng ký kết hôn theo như chị L khai là đúng.

Chung sống thời gian gần đây có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng anh mong muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, anh không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ đang tuổi ăn học. Mặc dù vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh có nhiều điểm không tốt nhưng anh sẽ sửa chữa để mong chị L suy nghĩ lại để đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung như chị L khai là đúng. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi 02 con chung, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có .

Tại biên bản xác minh ngày 06/02/2023, đại diện UBND An Phước, huyện Long Thành cung cấp : Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S sinh sống tại địa phương, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn địa phương không nắm rõ vì chị L và anh S không yêu cầu hòa giải tại địa phương.

Về nợ chung: Tại thời điểm xác minh chính quyền địa phương chưa nhận được đơn giải quyết về nợ đối với chị L và anh S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị

đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của chị L, chị L nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung : Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

Về nợ chung : Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị L. Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Điệp Nông, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (số 33, quyển số 01/2005 ngày 09/9/2005) nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị L yêu cầu xin ly hôn anh S vì tình cảm vợ chồng không còn. Chị L và anh S đã tự sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay không bàn bạc, đoàn tụ được, Tòa án đã T hành hòa giải nhiều lần nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn không đồng ý đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trong, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

[3] Về con chung: Chị L và anh S có 02 con chung.

1, Nguyễn Quang T, sinh ngày 06/10/2006.

2, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/4/2018.

Chị L yêu cầu nuôi 02 con chung, anh S đồng ý. Xét thấy, hiện nay chị L là người đang trực tiếp nuôi 02 con chung. Cháu Nguyễn Quang T hiện nay đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến các cháu có nguyện vọng được sống với chị L. Vì vậy, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị L nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 217, 218, 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000; Điều 56, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 06/10/2006 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/4/2018 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006362 ngày 26/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
-Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên